

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2017

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh H,  
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Toàn

Ông Hà Đức Trường

**Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị T Sinh năm 1985

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: Đội 9, thôn C, xã Đ, huyện B, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H Sinh năm 1984

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh H có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh Nguyễn Mạnh H, trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 16/11/2012, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh chị ở riêng tại xóm L, xã V. Hai bên chung sống hạnh phúc được trên 04 (bốn) năm. Sau đó, anh chị thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau; Vào ngày 28/7/2017, chị đã bị anh H đánh, 03 (ba) ngày sau chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Anh chị đã ly thân từ thời điểm đó đến nay. Hai bên được gia đình hai bên khuyến bảo, khu dân cư gặp gỡ để hòa giải nhằm cải thiện quan hệ hôn nhân, nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Bởi vậy, chị T đề nghị xử cho chị được ly hôn với anh H.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu: Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 27/7/2014. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu Thu. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng)/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/01/2018 cho đến khi cháu T thành niên và lao động tự túc được.

*Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản lấy khai ngày 23/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh H xác nhận thời điểm kết hôn, thời gian vợ chung sống, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh H không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ với chị T vì vợ chồng còn tình cảm và ràng buộc với nhau về con cái.

*Về con chung:* Anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 27/7/2014. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh H đồng ý với yêu cầu của chị T về việc anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung như chị T trình bày.

*Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa. Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, khoản 1,2 Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 27/7/2014 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ ngày 01/01/2018 trở đi đến khi con chung thành niên và lao động tự túc được.

Đối với quan hệ về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Phùng Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại các Điều 171,172,174,175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 16/11/2012, chị Phùng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được trên 04 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không tin tưởng nhau, anh H nghi ngờ chị T ngoại tình. Vào ngày 28/7/2017 anh H có hành vi bạo lực đối với chị T, sau đó 03 (ba) ngày chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện B, thành phố Hà Nội để sinh sống. Kể từ thời điểm đó đến nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã lấy lời khai của mẹ đẻ anh H và mẹ đẻ chị T, quan điểm của gia đình hai bên nếu chị T cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp.

Anh H xin đoàn tụ vợ chồng, anh cho rằng giữa hai bên ràng buộc với nhau về con cái nên không thể ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của anh không có căn cứ bởi các lẽ sau:

*Thứ nhất*, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì cơ sở tồn tại quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện, “*Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau*”. Tuy nhiên, đời sống vợ chồng anh, chị không hạnh phúc, hơn nữa, qua nhiều lần Tòa án hòa giải chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin ly hôn.

*Thứ hai*, Luật hôn nhân gia đình không quy định về việc không chấp nhận yêu cầu ly hôn do vợ chồng đã có con chung. Luật hôn nhân và gia đình chỉ quy định: “*Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con*

hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”. Ở đây, con chung của anh chị là cháu T đã trên 3 tuổi.

*Thứ ba*, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, mâu thuẫn trầm trọng, gia đình không đầm ấm, hạnh phúc. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh H không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không thực tế và ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển tâm lý của con chung.

Căn cứ vào những đánh giá, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh H có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 27/7/2014. Anh, chị đã thống nhất thỏa thuận, khi ly hôn, anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Thu đến khi thành niên và lao động tự túc được. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện xong tại phiên tòa anh H vắng mặt và chị T có đề nghị thay đổi thời gian cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định theo pháp luật.

Khi chị T, anh H có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp*: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị T, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Khi chị T, anh H có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5] *Về án phí*: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Chị Phùng Thị T và anh Nguyễn Mạnh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56,57,58,81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

[2] *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Thị Trang T, sinh ngày 27/7/2014 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mức cấp dưỡng là 1.000.000 VNĐ/01 tháng (Một triệu đồng), kể từ ngày 01/01/2018 trở đi cho đến khi cháu T thành niên và lao động tự túc được hoặc khi chị T và anh H có yêu cầu khác. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị T và anh H có yêu cầu giải quyết thì được Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2017/0002299 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí. Chị T còn phải nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Văn Luông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tuấn Anh**